

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐDTT

K/g: D/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 24/01/2022

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TTC2+P6+MRM	7:25	5+13+0	0+0+0		5+13+4	0+0+0	
2		HST+TGTH5+AMD	7:25	5+6+10	0+0+0		3+6+13	0+0+0	
3		P10+TD5+CI	7:25	19+0+1	0+0+0		12+7+3	0+0+0	
4		CLO+BK9+CTK3	7:25	6+0+5	0+0+0		6+2+14	0+0+0	chuyen 4 CLO-bk9
5		CTK3+VSP01	9:25	0+12	0+0		5+17	0+0	chuyen 5 Ctk3-vsp01
6		P6+P8	9:25	4+16	0+0		2+20	0+0	chuyen 1 p6-p8
7		BK15+TD2+TD3	9:25	6+0+10	0+0+0		7+2+13	0+0+0	chuyen 3 td2-td3
8		P6+BK4+BK14	9:25	12+0+0	0+0+0		6+9+3	0+0+0	
9		AMD+TD1+BK21	11:25	6+4+0	0+0+0		7+3+12	0+0+0	
10		VSP01+P7+P10	11:25	15+0+1	0+0+0		11+2+9	0+0+0	chuyen 1 P7-P10

TTBDSX 614 714 11.30 0 10 Anh ngữ về

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.



FLIGHT MANIFEST



DATE: 24/01/2022	TO: TTC2 - P6 - MRM	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: HUNG - XTruong -	ETA: 09:10
XANH-1		QTruong	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHUNG MINH HIEU	TTC2	23	1	8		75	KH-THAC	Vietnamese
2	BUI VAN TUAN	TTC2	22	1	5	40	50	KH-THAC	Vietnamese
3	LE PHUONG	TTC2	25	1	7		67	KH-THAC	Vietnamese
4	LUU VAN AN	TTC2	24	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
5	PHAN TRONG MINH	TTC2	26	1	5		70	PSV	Vietnamese
6	VU MINH PHUONG	P6	99	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
7	LE VAN LAM	P6	02	1	7		74	KH-THAC	Vietnamese
8	KRAPIVKA	P6	04	1	5		75	KH-THAC	Russian
9	TRAN VINH QUANG	P6	200,01	2	10		70	YTE	Vietnamese
10	CHERNAVSKIY D S	P6	09	1	4	20	110	KH-THAC	Russian
11	PIATOV S.V	P6	11	1	9		95	KH-THAC	Russian
12	HA DUY DONG	P6					90	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN NHAT THANH	P6	08	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
14	HOANG TIEN DUNG	P6	10	1	7		80	KH-THAC	Vietnamese
15	DANG THO TAM	P6	05	1	7		65	KH-THAC	Vietnamese
16	PHUONG VAN MINH	P6	06-07	2	12		75	KH-THAC	Vietnamese
17	THAI TRONG BINH	P6	03	1	12		82	KH-THAC	Vietnamese
18	VU VAN HOAN	P6	12	1	4		67	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TTC2	5	5	30	334	40	5		
2	P6	13	14	85	1.013	20	13		
3	MRM	0	0	0	0	0	4		
TOTAL		18	19	115	1.347	60	22		
WEIGHT KG				115	1.347	60			

GRAND TOAL: 1.522 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 24/01/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 428	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	TO: HST - TGTH5 - AMD	CREW: Phong - KHOÀN - Toan	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TAN MINH HUY	HST	26-27	2	15		65	TLJOC	Vietnamese
2	NGUYEN PHI KHAI	HST	33-34	2	14		86	TLJOC	Vietnamese
3	PHAM HUU NHU	HST	28-29	2	6		69	TLJOC	Vietnamese
4	PHAM THANH LONG	HST	31-32	2	9		58	TLJOC	Vietnamese
5	TRAN DUC CUONG	HST	30	1	10		66	KH-THAC	Vietnamese
6	DO VAN THAO	TGTH5	21-22	2	15		67	HLJOC	Vietnamese
7	LE VAN TU	TGTH5	15	1	10		63	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN DINH CU	TGTH5	16-17	2	15	10	63	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN HUU LUAT	TGTH5	19	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
10	HOANG NAM HAI	TGTH5	09-10	2	16		83	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN DUY LAM	TGTH5	20	1	12		65	VTB	Vietnamese
12	DUONG CHI PHONG	AMD	48	1	8		70	KH-THAC	Vietnamese
13	BUI MINH KHA	AMD	46-47	2	12		59	KH-THAC	Vietnamese
14	TRAN TRUNG KIEN	AMD	42-43	2	10		84	KH-THAC	Vietnamese
15	LE ANH MINH	AMD	53	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
16	DOAN VAN THUONG	AMD	54	1	6		69	KH-THAC	Vietnamese
17	DAO DUC HUY	AMD	44-45	2	16		67	KH-THAC	Vietnamese
18	PHAM VAN QUANG	AMD	49-50	2	8		71	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN VAN DAN	AMD	58	1	9		60	KH-THAC	Vietnamese
20	TRAN DUC TRUNG	AMD	51-52	2	12		57	KH-THAC	Vietnamese
21	PHAM TUAN ANH	AMD	55-57	3	17		70	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	HST	5	9	54	344	0	3		
2	TGTH5	6	9	73	411	10	6		
3	AMD	10	17	103	674	0	13		
TOTAL		21	35	230	1.429	10	22		
WEIGHT KG				230	1.429	10			

GRAND TOAL: 1.669 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 24/01/2022	TO: P10 - TD5 - CLI	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:40
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: Linh - VThắng - MQUÂN	ETA: 09:20
VANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HOANG DINH QUE	P10	15	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN DINH HAI	P10	08	1	7		65	KH-THAC	Vietnamese
3	PHAM HUYNH VU	P10	17	1	10		68	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN BAO LAM	P10	18	1	10		76	KH-THAC	Vietnamese
5	TRAN DUC BA	P10	05	1	6		65	KH-THAC	Vietnamese
6	DO QUANG HUNG	P10	56,01	2	10		70	KH-THAC	Vietnamese
7	PHAN DANG TUAN	P10	12-13	2	7		70	KH-THAC	Vietnamese
8	VU NGUYEN TRUNG	P10					50	KH-THAC	Vietnamese
9	PHAM DUY QUANG	P10	10	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
10	PHAM NGOC THANH	P10	03	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
11	PHAM HIEU LIEM	P10	02	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN ANH KHOA	P10	19	1	8		72	KH-THAC	Vietnamese
13	VU DINH CUONG	P10	16	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN VAN TOAN	P10	06	1	4		60	KH-THAC	Vietnamese
15	VU PHUONG HUONG	P10	07	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
16	PHAM VAN THUYET	P10	04	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese
17	TRUONG VAN MINH	P10	14	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN VAN CUONG	P10	11	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
19	DO TRUONG THINH	P10	09	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
20	TRUONG HIEN	CLI	97	1	8	116	83	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P10	19	20	113	1.318	0	12		
2	TD5	0	0	0	0	20	7		
3	CLI	1	1	8	83	116	3		
TOTAL		20	21	121	1.401	136	22		
WEIGHT KG				121	1.401	136			

GRAND TOAL: 1.658 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 24/01/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 424	ETD: 07:45
FLIGHT: 4	TO: CLO - BK9 - CTK3	CREW: ĐỨC - VTHU - ĐANG	ETA: 09:25
TRANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NINH QUỐC HỘI	CLO	87	1	12		80	KHAI THA	Vietnamese
2	TRẦN TRUNG HIỂU	CLO	92	1	10		72	KH-THAC	Vietnamese
3	PHẠM VĂN KHUÔNG	CLO	88	1	10	10	70	KH-THAC	Vietnamese
4	LÊ ĐẠI THANH	CLO	89	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐANG QUANG HUY	CLO	90	1	7		67	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN HÙNG	CLO	91	1	6		69	GETRACO	Vietnamese
7	NGUYỄN TRỌNG TÂN	CTK3	68	1	8	24	70	KH-THAC	Vietnamese
8	TRẦN HỮU DƯƠNG	CTK3	64	1	9		72	KH-THAC	Vietnamese
9	TRẦN ĐỨC BÀU	CTK3	66	1	7	40	60	KH-THAC	Vietnamese
10	BUI VĂN BẮC	CTK3	65	1	5		52	KH-THAC	Vietnamese
11	PANKRATOV ARKADIY	CTK3	67	1	12		101	ANTOAN	Russian

FLIGHT PLAN

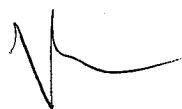
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CLO	6	6	50	423	10	6	4	CHUYEN 04 PAX CLO SANG BK9
2	BK9	0	0	0	0	20	2		
3	CTK3	5	5	41	355	64	14		
TOTAL		11	11	91	778	94	22		
WEIGHT KG				91	778	94			

GRAND TOAL: 963 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 24/01/2022	TO: CTK3 - VSP01	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:40
FLIGHT: 5	FROM: VT	CREW: HUNG - XTruong -	ETA: 11:20
XANH-2		QTruong	

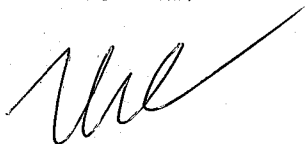
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	GRICHENKV	VSP01	05	1	10		90	KH-THAC	Russian
2	BORVINSKY	VSP01	04	1	10		90	KH-THAC	Russian
3	ĐẶNG ĐỨC ANH	VSP01	14	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
4	PHẠM VĂN ĐỨC	VSP01	08	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
5	VÔ QUANG HUY	VSP01	16-18	3	19		77	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN HỮU TOÀN	VSP01	09-10	2	14		74	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN MẠNH TUẤN	VSP01	11-12	2	14		68	KH-THAC	Vietnamese
8	PHẠM HOÀNG THANH	VSP01	06	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
9	NGO XUAN ĐỨC	VSP01	15	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
10	PHAN VĂN TRƯỞNG	VSP01	13	1	8		60	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN XUAN THUY	VSP01	20	1	5	20	68	KH-THAC	Vietnamese
12	VUÔNG VĂN THÔNG	VSP01	02-03	2	10	17	72	YTE	Vietnamese
13	TRAN VAN CHAU	VSP01	07	1	3		62	KTHAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

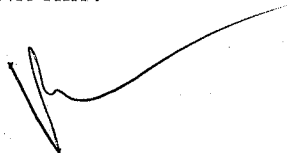
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CTK3	0	0	0	0	20	5	4	CHUYEN 04 PAX CTK3 SANG VSP01
2	VSP01	13	18	113	942	37	17		
TOTAL		13	18	113	942	57	22		
WEIGHT KG				113	942	57			

GRAND TOAL: 1.112 KGS

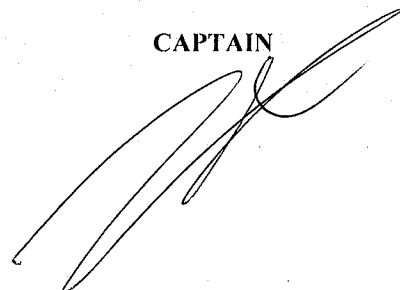
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 24/01/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 428	ETD: 09:45
FLIGHT: 6	TO: P6 - P8	CREW: Phong - KHOAN - Toan	ETA: 11:25
HONG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN HUU NHAN	P6	50	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
2	DO VAN TUNG	P6	54	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
3	TRAN HUY THAI	P6	52-53	2	14		80	KH-THAC	Vietnamese
4	HOANG THAI ANH	P6	51	1	6		77	KH-THAC	Vietnamese
5	LAZAREV	P8	67	1	10		84	KH-THAC	Russian
6	NGUYEN KIM SON	P8	84	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN TRONG HOA	P8	68	1	10		80	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN TIEN DUNG	P8	78	1	8		125	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN VAN NHAN	P8	75	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
10	DAO TIEN DAT	P8	85-86	2	18		75	KH-THAC	Vietnamese
11	PHAN THANH NAM	P8	72	1	12		74	KH-THAC	Vietnamese
12	LE NGUYEN NHAT LINH	P8	76	1	8		82	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN TRI HUNG	P8	73-74	2	13		75	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN VINH DUNG	P8	80-81	2	10		70	KH-THAC	Vietnamese
15	TRAN QUANG HUY	P8	70	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
16	DAO NGUYEN HUNG	P8	79	1	8		70	KH-THAC	Vietnamese
17	LE QUANG THANG	P8	71	1	6		60	KH-THAC	Vietnamese
18	DUONG TRI NAM	P8	69	1	10		80	KH-THAC	Vietnamese
19	THAI QUAN	P8	83	1	10	23	65	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN QUANG MINH	P8	77	1	12		80	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

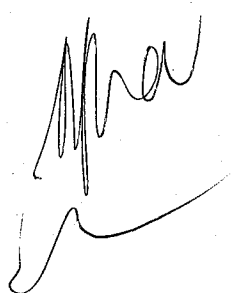
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P6	4	5	29	295	0	2		
2	P8	16	19	151	1.218	23	20		
TOTAL		20	24	180	1.513	23	22		
WEIGHT KG				180	1.513	23			

GRAND TOAL: 1.716 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 24/01/2022	TO: BK15 - TD2 - TD3	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:50
FLIGHT: 7	FROM: VT	CREW: Linh - VThắng - MQUÂN	ETA: 11:30
NAU-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN THANH CÔNG	BK15	35	1	9		70	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN ĐỨC TÙNG	BK15	38	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN TẤT THÀNH	BK15	33-34	2	8		65	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN ĐÌNH THẮNG	BK15	36-37	2	6		75	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN VIỆT ANH	BK15	32	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
6	HOÀNG VĂN PHƯƠNG	BK15	28-29	2	10	40	65	PSV	Vietnamese
7	HOÀNG PHẠM NGỌC VŨ	TD3	38-39	2	16		98	KHOAN	Vietnamese
8	ĐẠNG HUY LONG	TD3	98-99	2	8		64	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYỄN VIỆT THẮNG	TD3	300	1	4		76	KHOAN	Vietnamese
10	TRẦN XUÂN KÝ	TD3	24	1	5		87	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYỄN NGỌC BẢO TỬ	TD3	97	1	6		58	KHOAN	Vietnamese
12	TRANG NGỌC HÙNG	TD3	96	1	12		73	KHOAN	Vietnamese
13	VŨ NGỌC TỬ	TD3	32	1	10		74	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN QUỐC KHÔI	TD3	91	1	15		74	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN ĐỨC HOÀNG HAI	TD3	93	1	14		84	KH-THAC	Vietnamese
16	VŨ THAI THANH	TD3	94-95	2	18		77	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK15	6	9	41	420	40	7		CHUYỂN 4 PAX TỪ TD2 SANG TD3
2	TD2	0	0	0	0	0	1	4	
3	TD3	10	13	108	765	0	13		
TOTAL		16	22	149	1.185	40	21		
WEIGHT KG				149	1.185	40			

GRAND TOTAL: 1.374 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 24/01/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 424	ETD: 09:55
FLIGHT: 8	TO: P6 - BK4 - BK14	CREW: ĐỨC - VTHU - ĐANG	ETA: 11:35
TRANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	DUONG VAN CUONG	P6	16	1	7		80	KH-THAC	Vietnamese
2	ĐÀO KIM SÂM	P6	17	1	2		69	KH-THAC	Vietnamese
3	PHẠM NGỌC QUÝ	P6	25	1	3		76	KH-THAC	Vietnamese
4	LÊ QUANG MINH	P6					80	KH-THAC	Vietnamese
5	LÊ QUANG HUY	P6	19	1	10		66	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN TRONG KHOA	P6	14	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN VAN HUNG	P6	10-11	2	10		60	KH-THAC	Vietnamese
8	TRẦN XUÂN KHANH	P6	12	1	3		62	KH-THAC	Vietnamese
9	LÊ TRUNG TUÂN	P6	13	1	18		62	KH-THAC	Vietnamese
10	LÊ VĂN HẠN	P6	15	1	5		60	GETRACO	Vietnamese
11	VU MINH ĐỨC	P6	20	1	5		58	GETRACO	Vietnamese
12	TRẦN VĂN THƯỜNG	P6	18	1	5		48	GETRACO	Vietnamese

FLIGHT PLAN

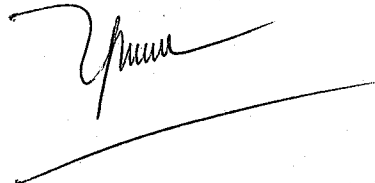
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P6	12	12	73	786	0	6		
2	BK4	0	0	0	0	40	12		
3	BK14	0	0	0	0	0	3		
TOTAL		12	12	73	786	40	21		
WEIGHT KG				73	786	40			

GRAND TOAL: 899 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 24/01/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 11:50
FLIGHT: 9	TO: AMD - TD1 - BK21	CREW: TTrung - NPhú - HIẾU	ETA: 13:00
XANH-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HOANG DINH VINH	AMD				32	67	KH-THAC	Vietnamese
2	LA NGOC MANH	AMD	62	1	10	10	65	KH-THAC	Vietnamese
3	HOANG VAN SAU	AMD	59	1	6		60	KH-THAC	Vietnamese
4	TRAN VAN THUY	AMD	61	1	5	120	72	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN VIET LAM	AMD	67	1	5		82	KH-THAC	Vietnamese
6	PHAM VAN TUAN	AMD	60	1	6		80	PSV	Vietnamese
7	LE TRUNG SON	TD1	51	1	7		73	VSP	Vietnamese
8	NGUYEN KHAC QUOC	TD1	94	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN VAN QUYET	TD1	91	1	7	15	66	KH-THAC	Vietnamese
10	HA XUAN THANH	TD1	92	1	6		102	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	6	5	32	426	162	7		
2	TD1	4	4	26	311	15	3		
3	BK21	0	0	0	0	0	9		
TOTAL		10	9	58	737	177	19		
WEIGHT KG				58	737	177			

GRAND TOAL: 972 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 24/01/2022	TO: VSP01 - P7 - P10	AIRCRAFT: 424	ETD: 11:55
FLIGHT: 10	FROM: VT	CREW: Hạnh - VLin - Vũ	ETA: 13:35
CAM-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TÔ HÙNG DŨNG	VSP01	61-62	2	16		70	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN ĐỨC THIÊN	VSP01	59-60	2	20		64	KH-THAC	Vietnamese
3	HOANG PHÚC LƯƠNG	VSP01	58	1	7		69	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN THUẬN HAI	VSP01	53	1	7		53	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN TRỌNG NAM	VSP01	64	1	7		90	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN DUY ĐÔNG	VSP01	63	1	10		72	KH-THAC	Vietnamese
7	PHAN THANH LỢI	VSP01	65	1	6		82	KH-THAC	Vietnamese
8	ĐỖ ĐÌNH VĂN	VSP01	56	1	4		71	KH-THAC	Vietnamese
9	PHAN THANH HÀ	VSP01	51-52	2	9		70	KH-THAC	Vietnamese
10	VŨ HAI ĐĂNG	VSP01	57	1	6		72	KH-THAC	Vietnamese
11	DUYÊN BA HUNG	VSP01					82	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN ĐĂNG TUẤN ANH	VSP01	49	1	5		55	KH-THAC	Vietnamese
13	VŨ ĐÌNH CHIẾN	VSP01	50	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN ANH TIEN	P7	20	1	10		63	XAYLAP	Vietnamese
15	NGUYỄN THẾ HẠNH	P10	29	1	8		75	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	VSP01	13	15	102	924	0	11		CHUYỂN 1 PAX P7-P10
2	P7	1	1	10	63	0	2		
3	P10	1	1	8	75	0	9		
TOTAL		15	17	120	1.062	0	22		
WEIGHT KG				120	1.062	0			

GRAND TOAL: 1.182 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 24/01/2022 FLIGHT:	FROM: VT TO: T.UNG	AIRCRAFT: 614 CREW: Hlong ATUAN	ETD: 11:30 ETA: 13:30
-----------------------------	-----------------------	------------------------------------	--------------------------

ROUTE: VT - T.UNG - VT

No.	PAX.NAME		COMPANY	NATIONALITY	PASSPORT	TAG	BAG		BODY
							PCS	KGS	W.T
SECTOR 1 : VT - T.UNG									
1	NIL PAX						0	0	
	PAX OUT	0		PAX IN	10	WT:	0	0	0
TOTAL		0							

FREIGHT

No.	FREIGHT DESCRIPTION	TAG	DEST.	QTY	WEIGHT (KGS)
1					
REMARK :					PAX.WEIGHT
					0
					BAG.WEIGHT
					0
VSP REP.					CARGO WEIGHT
					0
VNHS REP.					TOTAL
					0

CAPTAIN

FINISHED: 00:00

FUEL

CONFIRMED BY HLO (Name & signature)

1. TOTAL OF PAX

2. FREIGHT \$ BAG: